

**BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 391/QĐ-BD TTG

Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ**  
**trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý**  
**của Bộ Dân tộc và Tôn giáo**

**BỘ TRƯỞNG BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

Căn cứ Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Bãi bỏ các thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 211/QĐ-BD TTG ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo (theo Phụ lục chi tiết đính kèm).

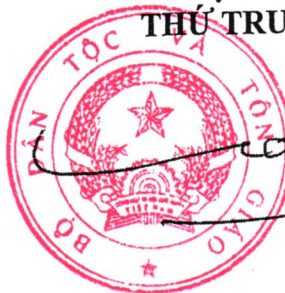
Văn phòng Bộ có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Cơ quan công tác Dân tộc và Tôn giáo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ DTTG;
- Lưu: VT, THTTTĐKT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Y Vinh Tor**

## **BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

### **THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 391 /QĐ-BDTTG ngày 01 /7/2025  
của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)*

#### **Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                       | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Cơ quan thực hiện</b> |
|-----------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1         | Thi đua, khen thưởng                                                | - Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.                                                                                                                                                                                                                             | Bộ Dân tộc và Tôn giáo   |
| 2         | Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” | - Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.<br>- Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo. |                          |

**Phần II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                      | <b>Mã hồ sơ</b> | <b>Lĩnh vực</b>              | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                                                                                                                  | <b>Cơ quan thực hiện</b> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------|-----------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1         | Thi đua, khen thưởng                                               | 1.013038        | Công tác dân tộc và tôn giáo | Rà soát thủ tục hành chính theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025; | Bộ Dân tộc và Tôn giáo   |
| 2         | Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp phát triển công tác dân tộc” | 1.013039        | Công tác dân tộc và tôn giáo |                                                                                                                                                                                                                                        |                          |

### **Phần III. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

#### **1. Thi đua khen thưởng**

##### **a) Trình tự thực hiện**

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 12 của Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

Bước 2: Căn cứ hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, khen thưởng tại cuộc họp xét, trình Lãnh đạo Bộ.

Bước 3: Căn cứ báo cáo kết quả của Hội đồng Thi đua, khen thưởng (HĐTĐKT), tập thể Lãnh đạo Bộ xem xét, thông qua trước khi trình Bộ trưởng quyết định.

Bước 4: Khi có Quyết định và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thì tổ chức trao theo quy định.

##### **b) Thành phần, số lượng hồ sơ**

\* Đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng:

- Tờ trình đề nghị hình thức khen thưởng;
- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể đề nghị khen thưởng;

- Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với thành tích đặc biệt đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác; đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo; phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng khoa học, công nghệ hoặc tác phẩm, công trình khoa học công nghệ;

- Biên bản họp bình xét hình thức khen thưởng của HĐTĐKT (hoặc hội nghị liên tịch);

- Danh sách trích ngang tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng;

- Đối với thi đua theo đợt, theo chuyên đề sẽ có văn bản hướng dẫn riêng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính), thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

\* Đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua;

- Báo cáo thành tích của cá nhân, tập thể;
- Chứng nhận hoặc xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”;
- Biên bản họp bình xét thi đua của HĐTĐKT (hoặc hội nghị liên tịch);
- Danh sách trích ngang tập thể, cá nhân được đề nghị danh hiệu thi đua;
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính), thực hiện theo khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

c) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng định kỳ của mỗi đợt xét khen thưởng là 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.
- Thời hạn giải quyết thủ tục khen thưởng đột xuất là 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ, tài liệu không bảo đảm quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC): Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Người có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hành chính; Văn bản hiệp ý.

h) Lệ phí (nếu có): Không.

i) Biểu mẫu, hồ sơ:

Đối với danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng, thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng và Mục 2 Chương V Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là những cá nhân, tập thể: Trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo; trong các cơ quan Nhà nước có liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo; người Việt Nam ở trong và ngoài nước, cá nhân tập thể người nước ngoài có thành tích, công lao xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp công tác dân tộc, tôn giáo, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở vùng dân tộc và miền núi, đồng bào tôn giáo.

- Tại thời điểm xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 3, 4, 5, 6, 7 Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Các trường hợp đột xuất đề nghị hình thức khen thưởng và xét tặng Kỷ niệm chương do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định.

#### 1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

- Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

## 2. Xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”

### a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo.

Bước 2: Căn cứ hồ sơ đề nghị của tổ chức đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương đối với cá nhân, Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Bộ Dân tộc và Tôn giáo tổng hợp, thẩm định hồ sơ, trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định.

Bước 3: Khi có Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo thì Thường trực Hội đồng thực hiện theo quy định.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình (hoặc văn bản) đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo”;
- Biên bản họp bình xét của HĐTĐKT (hoặc hội nghị liên tịch);
- Danh sách trích ngang, tóm tắt thành tích của cá nhân được đề nghị (kèm theo các tài liệu minh chứng thành tích);
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ (bản chính) thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

c) Cách thức thực hiện: Trực tuyến, trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính.

d) Thời hạn giải quyết:

Thời hạn giải quyết thủ tục xét tặng Kỷ niệm chương mỗi đợt là 25 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Trường hợp hồ sơ, tài liệu không bảo đảm quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Dân tộc và Tôn giáo có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính (TTHC): Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện TTHC:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Dân tộc và Tôn giáo;
- Người có thẩm quyền quyết định: Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo ;
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Văn phòng Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

g) Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định hành chính; Văn bản hiệp y.

h) Lệ phí (nếu có): Không.

i) Biểu mẫu, hồ sơ (tài Phụ lục kèm theo):

Mẫu số 1: Tờ trình đề nghị tặng Kỷ niệm chương (Áp dụng cho các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo).

Mẫu số 2: Văn bản đề nghị tặng Kỷ niệm chương (Áp dụng cho các bộ, ngành, cơ quan ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo).

Mẫu số 3: Danh sách đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:

- Là những cá nhân: đủ điều kiện được quy định tại Điều 8 Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

- Các trường hợp đột xuất đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương do Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quyết định.

1) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022;

- Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ: Quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

- Nghị định số 41/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Nghị định số 114/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi khoản 12 Điều 3 Nghị định số 41/2025/NĐ-CP.

- Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo./.



**PHỤ LỤC**  
**CÁC BIỂU MẪU XÉT TẶNG KỶ NIỆM CHƯƠNG**  
**“VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO”**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BD TTG ngày tháng 6 năm 2025 của  
 Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

**Mẫu số 1**

**TÊN ĐƠN VỊ .....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Tỉnh (thành phố), ngày .... tháng .... năm 20....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị xét tặng Kỷ niệm chương**  
**"Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo"**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo; Văn bản số ...../CV-BD TTG-..... ngày .... tháng .... năm..... của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (nếu có);

Căn cứ Biên bản họp cuộc (ngày .... tháng....năm ..... ) của Hội đồng Thi đua, khen thưởng (hoặc Liên tịch) về việc xét đề nghị tặng Kỷ niệm chương .....

... (tên đơn vị)...kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo" cho các cá nhân thuộc đơn vị như sau:

Tổng số: ..... cá nhân; trong đó:

1. Trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo:

a) Đang công tác (trong ngành): ..... cá nhân;

b) Đã nghỉ hưu (trong ngành): ..... cá nhân;

2. Ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc: ..... cá nhân.

...(tên đơn vị)... trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét quyết định.

(Có danh sách trích ngang và tóm tắt thành tích cá nhân kèm theo)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**TÊN ĐƠN VỊ .....**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

Tỉnh (thành phố), ngày .... tháng .... năm 20....

V/v đề nghị xét tặng Kỷ niệm  
chương “Vì sự nghiệp công tác  
dân tộc và tôn giáo”

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BD TTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo; Văn bản số ...../CV-BD TTG-..... ngày ..... tháng ..... năm..... của Bộ Dân tộc và Tôn giáo (nếu có);

...(tên cơ quan, đơn vị)...kính đề nghị Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp công tác dân tộc và tôn giáo” cho các cá nhân thuộc ...(tên cơ quan, đơn vị)... như sau:

Tổng số: ..... cá nhân; trong đó:

a) Đang công tác: ..... cá nhân;

b) Đã nghỉ hưu: ..... cá nhân.

...(tên cơ quan, đơn vị)... trình Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo xem xét quyết định./.

(Có danh sách trích ngang và tóm tắt thành tích cá nhân kèm theo)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT.

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Tên đơn vị .....

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Tỉnh (thành phố), ngày .... tháng .... năm 20....***DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG  
KỶ NIỆM CHƯƠNG “VÌ SỰ NGHIỆP CÔNG TÁC DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO”***(Kèm theo Tờ trình/Công văn số ...../ ..... ngày ..... tháng ..... năm .....)*

| TT  | Họ và tên                                         | Nam | Nữ | Dân tộc | Chức vụ, đơn vị công tác (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu; hoặc địa chỉ đối với trường hợp ngoài ngành nhưng không rõ cơ quan quản lý) | Tóm tắt thành tích | Số năm công tác trong ngành DT, TG (đã trừ thời gian kỷ luật nếu có) | Số năm công tác ngoài ngành (đã trừ thời gian kỷ luật nếu có) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------|-----|----|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------|
| A   | Trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| I   | Đang công tác                                     |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| 1   |                                                   |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| ... |                                                   |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| II  | Đã nghỉ hưu                                       |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| ... |                                                   |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |
| B   | Ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo |     |    |         |                                                                                                                                         |                    |                                                                      |                                                               |         |

|                         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-------------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| ....                    |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số: (số người) ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Người lập biểu**  
(ĐT liên hệ)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

(1) Đối với cá nhân trong hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo: Kê khai rõ các Quyết định số, ngày, tháng, năm... được khen thưởng.

(2) Đối với cá nhân ngoài hệ thống cơ quan công tác dân tộc, tôn giáo kê khai rõ Quyết định số, ngày, tháng, năm được: Công nhận là người có uy tín, tặng Bằng khen, Giấy khen của cơ quan quản lý hoặc các giấy tờ khác của địa bàn công nhận, minh chứng thành tích đạt được.

(3) Kê khai theo thứ tự: cá nhân thuộc các Sở, Ban, ngành của tỉnh, TP trước; sau đó đến các đối tượng còn lại quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Thông tư số 03/2025/TT-BDTTG ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

